TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2019/QĐST-HNGĐ	*TP. Vĩnh Long, ngày* 03 *tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST- HNGĐ, ngày19 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú tại nhà số 60/34, đường Phạm H, Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Nguyễn Anh T1, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú tại nhà số 60/34, đường Phạm H, Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 147 của bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Anh T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Trường Anh T2, sinh ngày 06/8/2000 đã trưởng thành, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số $N^0$0004390, ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; Số tiền chênh lệch còn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được hoàn trả

cho Bà T.

- Ông T1 không phải chịu án phí hôn nhân và dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh
- Thi hành án
- VKS cùng cấp
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Thủy